

Bản án số: 51/2023/DS-PT

Ngày: 14-3-2023

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế;
yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Lê Phước Thanh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đỗ Xuân Ân**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14-3-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2022/TLPT-DS ngày 06-6-2022 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 28-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 876/2023/QĐXX-PT ngày 27-02-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Trung T**, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04-7-2022):

Ông **Bùi Xuân T1**; địa chỉ cư trú: Thôn H (nay là TH), xã V, huyện Qy, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2.2. Bà **Hoàng Thị Tr**, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông **Nguyễn Viết G** - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân huyện Q, vắng mặt.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông **Nguyễn Trung H1** - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt

3.2. Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, vắng mặt.

3.3. Ông Phạm Xuân T2, sinh năm 1949; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2 (Giấy ủy quyền ngày 04-7-2022):

Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

3.4. Ông Phạm Xuân Ph, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3.5. Ông Phạm Xuân D1, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1 (Giấy ủy quyền ngày 16-3-2022):

Ông **Phạm Xuân Ph**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.6. Ông Phạm Hồng Th, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt

3.7. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3.8. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3.9. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Thôn V1, xã V2, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà S, bà H2 và bà T3 (Giấy ủy quyền ngày 10-12-2022):

Ông **Phạm Trung T**, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3.10. Bà Phạm Thị B1, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

3.11. Bà Lê Thị Minh H3, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.12. Chị Phạm Thị Th1, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

3.13. Chị Phạm Hồng T4, sinh năm 2000; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.14. Chị Phạm Thị H4, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T4, chị H4 (Giấy ủy quyền ngày 10-3-2022):

Ông **Phạm Xuân B** (là bị đơn trong vụ án); địa chỉ cư trú: Thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Phạm Trung T trình bày:

Bố, mẹ ông là cụ Phạm Văn N (chết năm 1974) và cụ Lê Thị G1 (chết năm 2006), hai cụ sinh được 10 người con, gồm: (1) ông Phạm Xuân T2, sinh năm 1949, (2) ông Phạm Xuân Th2 chết năm 1975, có vợ là bà Nguyễn Thị H5 và hai con là Phạm Xuân Ph và Phạm Xuân D1, (3) ông Phạm Trung T, sinh năm 1953, (4) ông Phạm Hồng Th, sinh năm 1957, (5) ông Phạm Xuân N2, hy sinh khi chưa có vợ con, (6) bà Phạm Thị S, sinh năm 1960, (7) ông Phạm Văn B, sinh năm 1965, (8) bà Phạm Thị T3, sinh năm 1966, (9) bà Phạm Thị H2, sinh năm 1969 và (10) bà Phạm Thị B1, sinh năm 1971.

Bố ông (cụ N) có 01 con riêng là Phạm Đình L1, chết năm 2003 (vợ ông L1 đã chết, có hai con là Phạm Thị L2 và Phạm Thị Th3), cụ G1 không có con riêng, hai cụ không nuôi con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc.

Di sản thừa kế hai cụ để lại là diện tích 431,8 m² đất tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt Giấy CNQSDĐ) mang tên Lê Thị G1. Năm 2005, khi cụ Lê Thị G1 còn sống, các anh chị em trong gia đình họp và có văn bản giao cho vợ chồng ông Phạm Văn B toàn bộ diện tích đất và nhà ở của bố mẹ với các điều kiện vợ chồng ông B có trách nhiệm chuyển đổi quyền sử dụng đất từ mẹ sang tên vợ chồng ông B, vợ chồng ông B có nghĩa vụ nuôi dưỡng mẹ trong những năm tháng cuối đời, không được gây phiền hà làm ảnh hưởng đến sức khỏe của mẹ và không được quyền chuyển nhượng đất cho bất kỳ ai khi chưa có sự đồng ý của các anh chị em trong gia đình, vì đây là đất ông bà để lại.

Tháng 02-2021, các anh chị em nghe tin vợ chồng ông Phạm Văn B chuyển nhượng cho anh Phạm Xuân Ph là cháu ruột (anh Phúc là con ông Phạm Xuân Th2) nhưng không xin ý kiến các anh chị em, do đó đã vi phạm cam kết lập năm 2005. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy CNQSDĐ đã cấp cho vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Hoàng Thị Tr và Giấy CNQSDĐ cấp cho anh Phạm Xuân Ph, chị Lê Thị Minh H3; đồng thời, chia thừa kế diện tích 431,8 m² đất tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn, ông Phạm Văn B, bà Hoàng Thị Tr trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm bố mẹ của bị đơn là cụ Phạm Văn N và cụ Lê Thị G1 chết và số con của hai cụ. Di sản của bố mẹ là diện tích 431,8 m² đất tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã được cấp Giấy CNQSDĐ số B 990141 ngày 22-10-1992 mang tên cụ Lê Thị G1. Ông (B) ở chung với bố, mẹ từ nhỏ đến khi xây dựng gia

đình, nên không được cơ quan có thẩm quyền cấp đất nhà ở. Năm 2005, các anh chị em trong gia đình cùng mẹ đã nhất trí giao lại toàn bộ đất và nhà ở cho ông. Năm 2011, các thành viên trong gia đình đã lập văn bản phân chia di sản thừa kế và cùng nhất trí giao cho ông và vợ (Tr) toàn bộ đất của bố mẹ, do đó vợ chồng ông đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Q cấp đổi Giấy CNQSDĐ mang tên mẹ Lê Thị G1 sang Giấy CNQSDĐ số BH 546016 với diện tích 446 m² tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, xã V mang tên vợ chồng ông, bà. Năm 2021, vợ chồng ông làm lại nhà ở có nợ Ngân hàng, nên đã thông báo cho các thành viên trong gia đình và con cháu trong dòng họ xem ai có nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất không, nhưng chỉ có vợ chồng cháu Phúc (là con ông Th2, cháu đích tôn dòng họ) nhận chuyển nhượng 131 m² và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy CNQSDĐ số DA410851 tại thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 12 xã V. Diện tích đất còn lại vợ chồng ông đã tặng cho 03 con gái là Phạm Thị Th1, Phạm Thị H4 và Phạm Hồng T4 và các cháu đã được cấp Giấy CNQSDĐ số DC 686053, số DC 686027 và số DC 686028 cùng ngày 31-12-2021 tại thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 12, xã V. Vì vậy, ông bà không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ và chia di sản thừa kế của ông Phạm Trung T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Xuân T2, ông Phạm Hồng Th, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị T3, bà Phạm Thị H2 và người đại diện theo ủy quyền của các đương sự trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn (ông Phạm Trung T) và đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy CNQSDĐ đã cấp cho vợ chồng ông Phạm Xuân B, bà Hoàng Thị Tr và Giấy CNQSDĐ cấp cho ông Phạm Xuân Ph, bà Lê Thị Minh H3; chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với diện tích 431,8 m² đất tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Phạm Xuân Ph và ông Phạm Xuân D1 (là người thừa kế thế vị của ông Phạm Xuân Th2) trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên của ông bà nội, năm chết, các con của hai cụ và di sản thừa kế. Hai ông đều xác định không được tham gia vào cuộc họp gia đình năm 2005 và năm 2011 về việc giao toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông, bà nội cho vợ chồng ông Phạm Văn B sở hữu, nhưng hai ông hoàn toàn nhất trí với nội dung hai cuộc họp này. Hai ông không có khiếu nại hay yêu cầu gì và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp, nếu chia di sản thừa kế, thì hai ông nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông Phạm Văn B sở hữu.

- Bà Phạm Thị B1 trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên của bố mẹ, năm chết, các con của hai cụ và di sản thừa kế, bố mẹ bà chết không để lại di chúc. Năm 2005 và năm 2011 các anh chị em đã họp và nhất trí ký tên giao toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của bố, mẹ cho vợ chồng ông Phạm Văn B sở hữu, nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp nếu chia di sản thừa kế, thì bà nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông Phạm Văn B sở hữu.

- Ông Phạm Xuân Ph, bà Lê Thị Minh H3 trình bày:

Ông Ph là cháu đích tôn của dòng họ, khi nghe tin vợ chồng ông Phạm Văn B chuyển nhượng một phần diện tích đất để trả nợ làm nhà, nhưng trong dòng họ không có ai nhận chuyển nhượng, là cháu đích tôn nên vợ chồng ông vay mượn nhận chuyển nhượng 131 m² để làm nhà ở và thờ cúng tổ tiên. Ông, bà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy CNQSDĐ số DA410851 tại thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 12 xã V. Vì vậy, ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Chị Phạm Thị Th1, Phạm Thị H4 và Phạm Hồng T4 trình bày:*

Các chị là con gái của ông Phạm Xuân B, bà Hoàng Thị Tr, năm 2021 ba chị được bố mẹ tặng cho quyền sử dụng 300,8 m² đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy CNQSDĐ số DC 686053, DC 686027 và DC 686028 ngày 31-12-2021 tại thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 12 xã V. Vì vậy, các chị không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ và chia di sản thừa kế của ông Phạm Trung T, vì ba chị được bố mẹ tặng cho đúng pháp luật và ngay tình.

- *UBND huyện Q trình bày:*

Ngày 22-10-1993, cụ Lê Thị G1 được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu số B 990141 với diện tích 500 m² đất tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 06, xã V. Ngày 10-8-2011, đăng ký biến động tại Giấy CNQSDĐ tương ứng thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, với diện tích 442 m². Ngày 17-8-2011, những người thừa kế của cụ Phạm Văn N, cụ Lê Thị G1 gồm ông Phạm Xuân T2, ông Phạm Trung T, ông Phạm Xuân Th, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn B, bà Phạm Thị T3, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị B1 lập văn bản phân chia thừa kế, thống nhất giao thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12 và các tài sản trên đất cho ông Phạm Văn B, bà Hoàng Thị Tr (văn bản được UBND xã V chứng thực). Sau đó, ông B và bà Tr lập hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy CNQSDĐ và được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số BH 546016 ngày 27-9-2011 tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, xã V với diện tích 466 m². Ngày 31-12-2014 ông B, bà Tr được cấp đổi Giấy CNQSDĐ số BV 846761, với diện tích 431,8 m² tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, xã V. Năm 2021, ông B, bà Tr tách thành hai thửa đất (số 1226, có diện tích 300,8 m² và thửa đất số 1227, có diện tích 131 m²) rồi chuyển nhượng thửa đất số 1227 cho ông Phạm Xuân Ph, bà Lê Thị Minh H3. Ông Ph và bà H3 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSDĐ số DA 410851, còn ông B và bà Tr được cấp Giấy CNQSDĐ số DA 410839. Ngày 06-12-2021, ông B và bà Tr tặng cho 03 con gái là Phạm Hồng T4, Phạm Thị H4 và Phạm Thị Th1 toàn bộ diện tích đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp Giấy CNQSDĐ số DC 686027 cho chị Phạm Hồng T4, Giấy CNQSDĐ số DC 686028 cho chị Phạm Thị H4 và Giấy CNQSDĐ số DC 686053 cho chị Phạm Thị Th1. Việc cấp các Giấy CNQSDĐ của UBND huyện Q đều thực hiện theo đúng quy định, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

- *Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình trình bày:*

Việc cấp Giấy CNQSDĐ cho cụ Lê Thị G1 năm 1993 và cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Phạm Văn B, bà Hoàng Thị Tr do UBND huyện Q thực hiện. Năm 2021, ông B và bà Tr tách thành hai thửa đất (số 1226, có diện tích 300,8 m² và thửa đất số 1227, có diện tích 131 m²) rồi chuyển nhượng thửa đất số 1227 cho ông Phạm Xuân Ph, bà Lê Thị Minh H3. Ông Ph, bà H3 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

cấp Giấy CNQSDĐ số DA 410851, còn ông B và bà Tr được cấp Giấy CNQSDĐ số DA 410839. Ngày 06-12-2021, sau đó ông B và bà Tr tặng cho 03 con gái là Phạm Hồng T4, Phạm Thị H4 và Phạm Thị Th1 toàn bộ diện tích đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cấp Giấy CNQSDĐ số DC 686027 cho chị Phạm Hồng T4, Giấy CNQSDĐ số DC 686028 cho chị Phạm Thị H4 và Giấy CNQSDĐ số DC 686053 cho chị Phạm Thị Th1. Việc cấp các Giấy CNQSDĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình đều thực hiện theo đúng quy định, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

UBND xã V đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không cử người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Trung T yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ của UBND huyện Q, của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình đã cấp cho ông Phạm Xuân B, bà Hoàng Thị Tr; cấp cho ông Phạm Xuân Ph, bà Lê Thị Minh H3; cấp cho chị Phạm Hồng T4, chị Phạm Thị H4 và chị Phạm Thị Th1 và chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn N, cụ Lê Thị G1 theo 03 kỷ phần (ông Ph và ông D1 01 kỷ phần; bị đơn 01 kỷ phần và nguyên đơn cùng các đồng thừa kế còn lại 01 kỷ phần). Bị đơn, ông Phạm Văn B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án giữ nguyên ý kiến tại bản tự khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/HSST ngày 28-4-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình:

Căn cứ Điều 34, Điều 227, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 99, Điều 100 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; tiết 4 điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung T về việc chia di sản thừa kế 431,8 m² đất tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 1226 và số 1227, tờ bản đồ số 12) thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Q, của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho vợ chồng ông Phạm Xuân B và bà Hoàng Thị Tr; vợ chồng ông Phạm Xuân Ph và bà Lê Thị Minh H3; chị Phạm Hồng T4, chị Phạm Thị H4 và chị Phạm Thị Th1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10-5-2022, nguyên đơn là ông Phạm Trung T; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Xuân T2 và bà Phạm Thị T3 kháng cáo bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Xuân T2 và bà Phạm Thị T3 kháng cáo bản

án. Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng bà Phạm Thị T3 vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Trường hợp này coi như bà Phạm Thị T3 từ bỏ kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phạm Thị T3.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Văn B, bà Hoàng Thị Tr; cấp cho ông Phạm Xuân Ph và Lê Thị Minh H3; yêu cầu chia di sản thừa kế toàn bộ thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, diện tích 431,8 m² theo quy định của pháp luật. Bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phạm Thị T3.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Phạm Trung T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Xuân T2.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/HSST ngày 28-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình:

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự:

Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo, đều yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết cùng nội dung.

[2.1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền:

Ông Phạm Trung T khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình và của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình đã cấp cho ông Phạm Xuân B và bà Hoàng Thị Tr; ông Phạm Xuân Ph và bà Lê Thị Minh H3; chị Phạm Hồng T4, chị Phạm Thị H4, chị Phạm Thị Th1 và chia di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 và Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu:

- + Đối với di sản của cụ Lê Thị G1:

Cụ Phạm Văn N, chết năm 1974; cụ Lê Thị G1, chết năm 2006. Ngày 17-12-2021, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được Đơn khởi kiện yêu cầu chia diện tích 431,8 m² đất tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình là di sản thừa kế của cụ N và cụ G1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị G1 còn trong thời hạn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự.

+ Đối với di sản của cụ Phạm Văn N:

Theo hướng dẫn tại Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05-01-2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính, thì từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990, thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp Lệnh thừa kế, cụ thể: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990, nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn N đã hết; đồng thời, năm 1993, UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu số B 990141 cho cụ Lê Thị G1 với diện tích 500 m² tại thửa đất số 256, tờ bản đồ số 06, xã V, các đồng thừa kế của cụ Phạm Văn N không có ý kiến gì, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ di sản thừa kế thuộc quyền sở hữu của cụ Lê Thị G1, nên không xem xét chia di sản của cụ Phạm Văn N là có căn cứ.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Về hàng thừa kế:

Các đồng thừa kế của cụ Phạm Văn N, cụ Lê Thị G1 thừa nhận hai cụ không nuôi con nuôi, cụ G1 không có con riêng; hai cụ là bố, mẹ của ông Phạm Xuân T2, sinh năm 1949; ông Phạm Xuân Th2 (đã chết năm 1975, có vợ là bà Nguyễn Thị H5 và hai con là Phạm Xuân Ph và Phạm Xuân D1); ông Phạm Trung T, sinh năm 1953; ông Phạm Hồng Th, sinh năm 1957; ông Phạm Xuân N2 hy sinh khi chưa có vợ con; bà Phạm Thị S, sinh năm 1960; ông Phạm Văn B, sinh năm 1965; bà Phạm Thị T3, sinh năm 1966; bà Phạm Thị H2, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị B1, sinh năm 1971. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự, thì 10 người con đẻ của cụ G1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của cụ G1 để lại.

Ông Phạm Xuân Th2, chết năm 1975 (chết trước cụ Lê Thị G1), nên theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự, thì các con của ông Th2 là Phạm Xuân Ph và Phạm Xuân D1 được thừa kế thế vị di sản thừa kế của cụ G1 bằng phần thừa kế, nếu ông Th2 còn sống được hưởng.

[2.2.2]. Về di sản thừa kế:

Các đồng thừa kế của cụ Lê Thị G1 xác nhận cụ không để lại di chúc, di sản thừa kế của cụ là diện tích 431,8 m² tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo yêu cầu của nguyên đơn; ngày 21-01-2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định (1) thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 12,

xã V (thửa đất này ông B, bà Tr đã tặng cho chị H4, chị Th1 và chị T4), tại các điểm 1, 2, 3 và 6 có diện tích 300,8 m², trên thửa đất này có 01 nhà cấp 4 (01 tầng) rộng 80 m² và 01 quán làm tóc rộng 20 m²; (2) thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 12, xã V (thửa đất này ông B, bà Tr đã chuyển nhượng cho ông Ph, bà H3) tại các điểm 3, 4, 5 và 6 có diện tích 131 m² trên thửa đất này có 01 quán kinh doanh rộng 15 m². Theo thị trường giá thửa đất tranh chấp có giá 5.000.000 đồng/m².

[2.2.3]. Về sự thỏa thuận của các đương sự:

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng thừa kế của cụ Lê Thị G1 thừa nhận, năm 2005 (thời điểm cụ G1 còn sống) các đồng thừa kế của cụ N và cụ G1 đã họp và có biên bản giao cho vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Hoàng Thị Tr được sở hữu toàn bộ nhà và đất của cụ N, cụ G1 với điều kiện vợ chồng ông B có nghĩa vụ nuôi dưỡng cụ G1; thực hiện việc sang tên Giấy CNQSDĐ từ tên cụ G1 sang tên vợ chồng ông B và nếu có chuyển nhượng thì phải có sự nhất trí của các đồng thừa kế.

Ngày 10-7-2011, các đồng thừa kế của cụ Lê Thị G1 gồm ông Phạm Xuân T2, Phạm Trung T, Phạm Thị S, Phạm Thị T3, Phạm Thị H2 và Phạm Thị B1 lập Biên bản họp gia đình (có xác nhận của UBND xã V), theo đó “... Các anh chị em chúng tôi tiến hành họp gia đình và thống nhất giao quyền sử dụng đất của bố mẹ lại cho con là Phạm Văn B và vợ là Hoàng Thị Tr được quyền sử dụng thửa đất với diện tích 461 m²...” và ngày 17-8-2011, các đồng thừa kế của cụ G1 tiếp tục lập Văn bản phân chia di sản thừa kế (có chứng thực của UBND xã V), theo văn bản này thì các đồng thừa kế đều từ chối nhận di sản thừa kế và thống nhất giao cho vợ chồng ông B, bà Tr được quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của cụ Lê Thị G1; văn bản này có đủ 08 người con còn sống cụ G1 tham gia ký và viết họ tên, riêng ông Ph và ông D1 (con ông Th2 đã chết) không tham gia, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm hai ông thống nhất với văn bản giao di sản thừa kế của cụ G1 cho vợ chồng ông B. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Trung T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Xuân T2, ông Phạm Hồng Th, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị T3 và bà Phạm Thị H2 không thừa nhận họp gia đình, không ký, không viết vào văn bản này và cho rằng bị đơn làm giả, nhưng tại Biên bản ghi lời khai ngày 10-02-2022, các ông, bà đều từ chối giám định chữ viết, chữ ký. Riêng ông Phạm Trung T đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của ông tại Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 17-8-2011 và tại Kết luận giám định số 315/KL-KTHS ngày 11-3-2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: *Chữ ký “Thành” và chữ viết “Phạm Trung T” dưới mục những người thừa kế cùng các mẫu so sánh do ông T cung cấp đều do một người ký và viết ra.*

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Phạm Xuân T2, ông Phạm Hồng Th, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị T3 và bà Phạm Thị H2 đề nghị được giám định chữ viết và chữ ký của các ông, bà tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 17-8-2011. Tại Kết luận giám định số 87/KL-KTHS ngày 15-12-2022, Phân viện Khoa học kỹ thuật hình sự tại Đà Nẵng kết luận: *(1) Chữ ký “T2” và chữ viết ghi họ tên “Phạm Xuân T2” dưới mục “Những người thừa kế (Ký và ghi rõ họ tên)” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ ký “T2” và chữ viết ghi họ tên “Phạm Xuân T2” trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1, M2, M3, M6, M7, M8 là do*

cùng một người ký, viết ra; (2) Chữ ký “Th” và chữ viết ghi họ tên “Phạm Hồng Th” dưới mục “Những người thừa kế (Ký và ghi rõ họ tên)” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Hồng Th trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M4, M9 là do cùng một người ký, viết ra; (3) Chữ ký “H2” và chữ viết ghi họ tên “Phạm Thị H2” dưới mục “Những người thừa kế (Ký và ghi rõ họ tên)” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị H2 trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M11, M12, M13 là do cùng một người ký, viết ra; (4) Chữ ký “S” và chữ viết ghi họ tên “Phạm Thị S” dưới mục “Những người thừa kế (Ký và ghi rõ họ tên)” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M15, M16, M17, M18 là do cùng một người ký, viết ra; (5) Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “T3” và chữ viết ghi họ tên “Phạm Thị T3” dưới mục “Những người thừa kế (Ký và ghi rõ họ tên)” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M3, M4, M5, M19, M20, M21, M22 là có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Như vậy, các ông Phạm Xuân T2, Phạm Hồng Th, các bà Phạm Thị S, Phạm Thị H2 đã được cơ quan chuyên môn kết luận có ký và ghi họ tên tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 17-8-2011. Đối với bà Phạm Thị T3 không đủ cơ sở để kết luận có phải cùng một người ký, viết ra là do mẫu cần giám định không đủ số lượng để so sánh, nhưng có cơ sở để kết luận bà Phạm Thị T3 đồng ý thỏa thuận giao cho vợ chồng ông B, bà Tr được quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của của bố, mẹ mình tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 17-8-2011.

Theo quy định tại Điều 237 của Bộ luật Dân sự về căn cứ xác lập quyền sở hữu thì kể từ thời điểm các đương sự lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế (ngày 17-8-2011), thì ông Phạm Văn B, bà Hoàng Thị Tr được thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản của cụ Lê Thị G1 là có căn cứ.

[2.2.4]. Về yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ:

Ngày 17-8-2011, những người thừa kế của cụ Phạm Văn N, cụ Lê Thị G1 gồm ông Phạm Xuân T2, ông Phạm Trung T, ông Phạm Xuân Th, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn B, bà Phạm Thị T3, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị B1 lập văn bản phân chia thừa kế, thống nhất giao thừa đất số 620, tờ bản đồ số 12 và tài sản trên đất cho ông Phạm Xuân B, bà Hoàng Thị Tr (văn bản được UBND xã V chứng thực). Sau đó, ông B và bà Tr lập hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy CNQSDĐ và được UBND huyện Q cấp Giấy CNQSDĐ số BH 546016 ngày 27-9-2011 đối với thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, xã V với diện tích 466 m². Ngày 31-12-2014 ông B, bà Tr được cấp đổi Giấy CNQSDĐ số BV 846761, với diện tích 431,8 m² đối với thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12, xã V. Năm 2021, ông B, bà Tr tách thành hai thửa đất (số 1226, có diện tích 300,8 m² và thửa đất số 1227, có diện tích 131 m²) rồi chuyển nhượng thửa đất số 1227 cho ông Phạm Xuân Ph, bà Lê Thị Minh H3. Ông Ph và bà H3 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp Giấy CNQSDĐ số DA 410851, còn ông B bà Tr được cấp Giấy CNQSDĐ số DA 410839. Ngày 06-12-2021, ông B và bà Tr tặng cho 03 con gái là Phạm Hồng T4, Phạm Thị H4 và Phạm Thị Th1 toàn bộ diện tích đất và sau đó

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình đã cấp Giấy CNQSDĐ số DC 686027 cho chị Phạm Hồng T4, Giấy CNQSDĐ số DC 686028 cho chị Phạm Thị H4 và Giấy CNQSDĐ số DC 686053 cho chị Phạm Thị Th1. Việc chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất và việc cấp các Giấy CNQSDĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình, của UBND huyện Q đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu “*Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Q, của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho vợ chồng ông Phạm Xuân B, Hoàng Thị Tr; vợ chồng ông Phạm Xuân Ph, bà Lê Thị Minh H3; chị Phạm Hồng T4, chị Phạm Thị H4 và chị Phạm Thị Th1*” là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn là ông Phạm Trung T, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Xuân T2 đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Phạm Trung T; kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Xuân T2.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 28-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Căn cứ Điều 221 và Điều 237 của Bộ luật Dân sự; Điều 99, Điều 100 và Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung T về:

2.1. Chia di sản thừa kế là diện tích 431,8 m² đất tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 1226 và số 1227, tờ bản đồ số 12) thôn TH, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2.2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Q, của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho vợ chồng ông Phạm Xuân B và bà Hoàng Thị Tr; vợ chồng ông Phạm Xuân Ph và bà Lê Thị Minh H3; chị Phạm Hồng T4, chị Phạm Thị H4 và chị Phạm Thị Th1.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phạm Thị T3.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 18, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Phạm Trung T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004974 ngày 13-5-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, nay được chuyển thành án phí; ông Phạm Trung T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Phạm Xuân T2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004973 ngày 13-5-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, nay được chuyển thành án phí; ông Phạm Xuân T2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Sung quỹ Nhà nước 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Phạm Văn D nộp thay bà Phạm Thị T3 tại Biên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004975 ngày 13-5-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường